

BÀI BÁO NÊU GƯƠNG MỘT LIỆT SĨ CỦA XỨ NGHỆ

Đây là Anh hùng - Liệt sĩ Phan Đình Giót. Anh sinh năm 1922, quê làng Vĩnh Yên, nay thuộc xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh. Gia đình anh sống rất nghèo, cha mất sớm, năm 13 tuổi anh Giót phải đi ở để kiếm sống. Năm 1950, anh vào bộ đội chủ lực, tham gia đánh đồn Trảng Bạch, quốc lộ 18; bị thương nặng anh vẫn xin ở lại chiến đấu, tiếp tục tham gia chiến dịch Trung Du (1950), rồi chiến dịch Hoà Bình (1951), hoạt động trong vùng địch chiếm dưới chân núi Ba Vì.

Cuối năm 1953, Phan Đình Giót lên Tây Bắc tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Là tiểu đội phó bộ binh, đại đội 58 (thuộc tiểu đoàn 428, trung đoàn 141, Đại đoàn 312), vào chiều 13-3-1954, anh Giót cùng đại đội 58 mở đường máu

để tấn công cứ điểm Him Lam. Tại đây, anh đã chiến đấu rất mưu trí, quả cảm, và hy sinh anh dũng, để lại hình ảnh bất tử: Lấy thân mình lấp kín lỗ châu mai của địch, dập tắt được hoả điểm nguy hiểm nhất, tạo cơ hội cho đồng đội tiêu diệt gọn cứ điểm Him Lam!

Ngày 31-8-1955, Phan Đình Giót được truy tặng Huân chương Quân công hạng Nhì và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Nhưng trước đó, trên Báo *Nhân Dân* ra ngày 20-11-1954, Bác Hồ đã có bài báo “*Nhớ người chiến sĩ anh hùng*”. Mở đầu, Bác viết: “*Trong lúc vui mừng Thủ đô giải phóng, chúng ta càng nhớ đến công lao của bộ đội ta, nhớ đến những chiến sĩ anh hùng đã hy sinh vì nhân dân, vì Tổ quốc. Đây là một trong trăm nghìn gương oanh liệt tỏ rõ tinh thần anh dũng của bộ đội ta...*”.

Rồi, với lối viết giản dị, hàm súc, xúc động, tác giả bài báo nhắc lại cho “người hôm nay” cảnh ngộ, những chiến tích của liệt sĩ Phan Đình Giót, đặc biệt là trận đánh tiêu diệt cứ điểm Him Lam - Điện Biên Phủ. Và để kết thúc bài viết chỉ hơn 400 chữ này, Bác tái hiện lại những hình ảnh

hào hùng, đồng thời làm thơ lấy Kiều vừa ghi nhận, vừa nhắc nhở xa gần: *“Trong khói lửa nghi ngút, bộ đội ta đã nghiêng mình trước đồng chí Giót, vì anh hùng đã hy sinh oanh liệt để mở đầu cuộc đại thắng ở Điện Biên Phủ mà tiếng tăm đã vang lừng khắp thế giới.*

Hy sinh vì nước là thơm

Những phường giá áo túi cơm sá gì!”

Bút danh C.B được ký dưới bài *“Nhớ người chiến sĩ anh hùng”* in năm 1954. Hẳn phải nhiều năm sau đó nữa, nhiều người trong chúng ta mới vỡ lẽ: C.B chính là một trong hơn 100 bút danh của Nhà báo Hồ Chí Minh!.

CÁC CHÁU MỒ CÔI TRONG TÌNH THƯƠNG BÁC HỒ

Tình cảm giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiếu niên, nhi đồng Việt Nam và thế giới, nếu kể ra thì không có bút giấy nào tả cho hết! Tình cảm Bác giành cho các cháu mồ côi, không nơi nương tựa, lại càng có nét đặc biệt.

Sử sách còn ghi ngày 7-11-1946, Bác Hồ ra thông báo cho toàn dân về việc nhận con của các liệt sĩ về làm con nuôi. Đây là một nghĩa cử cao quý góp phần động viên các chiến sĩ yên tâm ra trận. Bác còn đích thân đến thăm các cháu mồ côi có hoàn cảnh đặc biệt, vào buổi sáng ngày 31-1-1957 (tức ngày mùng Một Tết năm Đinh Dậu). Sau khi thăm và chúc Tết một số gia đình cơ sở cách mạng ở thôn Phú Gia, xã Phú Thượng, Từ Liêm; thăm và chúc Tết một số đơn vị bảo vệ Thủ đô, Người đã đến thăm Trại trẻ mồ

côi mang tên Kim Đồng tại xã Biên Giang, huyện Thanh Oai, Hà Đông (nay là tỉnh Hà Tây). Nơi đây nuôi nấng dạy dỗ gần 500 trẻ mồ côi không nơi nương tựa. Bác Hồ vào xem căn kẽ nơi nghỉ ngơi, ăn học của các cháu, khu bếp, phòng ăn của trại. Người căn dặn anh chị em cấp dưỡng phải cố gắng giữ vệ sinh, chăm diệt ruồi, lau rửa bàn ăn cho sạch sẽ. Bác đi thăm ruộng mía, vườn xu hào do các cháu tự trồng quanh trại. Người có phần bằng lòng về những thành tích học tập, sản xuất và tiết kiệm của các cháu. Được biết các cháu mồ côi đều có áo ấm, Người phấn khởi. Đứng trước đàn cháu ríu rít, nô đùa vây quanh mình, Bác đã chia quà, rồi không quên chúc các cháu một năm mới biết đùm bọc thương yêu nhau, chăm học chăm làm, ăn ở sạch sẽ, góp sức nhỏ của mình cho đất nước...

Trong chuyến thăm trại trẻ mồ côi mang tên Kim Đồng lần này, có mấy mẩu chuyện đã được nhà văn Sơn Tùng kể lại rất cảm động, trong cuốn sách *Hoa râm bụt* (NXB Thanh Niên - 1999). Xin được ghi lại đây giúp bạn đọc.

Mẩu chuyện thứ nhất: Ngay từ phút đặt

chân đến cổng trại, nhìn bờ rào dây thép gai, trong mắt Bác Hồ đã hiện lên sự nhức nhối. Giọng nhẹ nhàng nhưng trách móc, Bác nêu thắc mắc với các cán bộ phụ trách:

- Đây là nơi nuôi dạy các cháu mồ côi, được mang tên Liệt sĩ Kim Đồng. Sao các cô các chú lại rào dây thép gai như một nhà tù thế này?

Chú Thuận thưa:

- Dạ thưa Bác, cơ ngơi của chế độ cũ để lại đấy ạ!

Bác lắc đầu:

- Các cô các chú phải tháo gỡ đám dây thép gai ngay! Chế độ cũ nhóm các cháu vào đây, chúng ta thì phải nuôi dạy vì tương lai của các cháu!

Mẫu chuyện thứ hai: Bác đi vào từng căn phòng ở, phòng ăn, phòng học, nơi các cháu vui chơi. Bác khen: “Được cái gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ, nhưng còn... - Bác hỏi cán bộ phụ trách trại - còn thế nào, các cô các chú có biết không?”.

Mọi người nhìn Bác, vừa xúc động vừa lúng túng. Rồi chú Thuận mạnh dạn đáp:

- Thưa Bác, các cháu ở trại còn chật chội ạ?

Bác Hồ mỉm cười:

- Chú nói mới đúng một phần nhỏ thôi. Đối với các cháu mồ côi, điều lớn nhất là phải bù đắp tình thương. Các cháu đã không còn bố, mẹ thì các cô các chú ở đây là bố là mẹ của các cháu. Các cô các chú nuôi dạy các cháu phải đem cả tấm lòng làm mẹ, làm cha mà cư xử, mà săn sóc, mà dạy bảo. Bác thấy ở đây, đối với các cháu, còn cái vẻ “trại lính”, thiếu cái ấm áp của gia đình. Dạy cho các cháu vào khuôn phép, sống có kỷ luật, trật tự là đúng. Nhưng không được để các cháu mất cái hồn nhiên, mất cái tươi vui, thoải mái. Đừng biến các cháu thành các “ông cụ non”. Các cô các chú phải làm sao cho các cháu thấy Trại trẻ mồ côi Kim Đồng là gia đình của các cháu, đi xa các cháu thấy nhớ, lúc ở các cháu vui. Được như vậy thì cần gì phải rào dây thép gai, phải canh phòng nghiêm ngặt với các cháu?!

Mẫu chuyện thứ ba: Sau khi căn dặn các cô chú trông nom Trại trẻ mồ côi, đột nhiên Bác Hồ lại hỏi:

- Những cháu kém có nhiều không?

- Thưa Bác, còn nhiều lắm ạ!.

- Nhiều là bao nhiêu?

Đồng chí phụ trách trại hơi bối rối, Bác nói ngay:

- Quản lý các cháu thì cần biết cụ thể từng cháu một, biết chắc chắn cái hay, cái dở của mỗi cháu. Như vậy thì việc dạy dỗ mới có kết quả tốt được!

Bác bảo chú Thuận đứng bên:

- Chú cho Bác gặp cháu nào yếu kém nhất trại!

Em Quốc khoanh tay đứng trước Bác. Bác cúi xuống vuốt ve nhẹ nhẹ tóc em. Rồi Bác hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Thưa Bác, tên cháu là Quốc “lùi” ạ!

Bác nhìn em, ái ngại:

- Ai đặt cho cháu cái tên ấy?
- Dạ thưa Bác, các bạn gọi cháu thế ạ!
- Vì sao các bạn gọi cháu là Quốc “lủi”?
- Thưa Bác... cháu... cháu hay trốn trại. Cháu chui qua hàng rào, lủi vào các ngõ phố ạ!.
- Sao các cháu không chịu ở trong trại, mà lại hay trốn ra bên ngoài?
- Thưa Bác... ở trong trại khổ cực lắm ạ!
- Khổ cực như thế nào?
- Dạ, chúng cháu bị gò bó đủ thứ ạ?
- Cháu nói rõ sự gò bó như thế nào cho Bác nghe?
- Thưa Bác...

Em Quốc nhìn Bác Hồ mà nước mắt trào ra, nghẹn ngào không nói nên lời. Bác xoa đầu em. Bác đã thấu hiểu tất cả cho dù Quốc chưa nói ra được những điều em muốn thưa với Bác. Bác khuyên Quốc: “Từ nay, cháu phải phấn đấu bỏ cái tên “lủi”, chỉ giữ lại cái tên Quốc...!”. Nước mắt càng giàn giụa trên hai má em. Đoạn, Bác

Hồ âu yếm cầm tay em Quốc cùng đi ra chỗ cả trại đang tập hợp.

Ngày 31-1-1957 ấy mãi mãi trở thành một ngày đáng nhớ của cán bộ, nhân viên Trại trẻ mồ côi Kim Đồng, là dấu ấn không phai mờ trong đời mỗi cậu bé cô bé của trại. Giữ đúng lời hứa hôm nào, ngày 21-1-1966, tức ngày mồng một Tết năm Bính Ngọ, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại thăm, chúc Tết Trại trẻ mồ côi Kim Đồng một lần nữa... Đã đành, là với thiếu niên nhi đồng của nước Việt Nam còn nhiều gian nan, khốn khó thì cháu nào Người cũng thương yêu như nhau, đối xử, lo toan như nhau, nhưng đối với các cháu mồ côi không nhà không cửa, thiếu thốn tình thương yêu, che chở của cha mẹ, người thân trong gia đình, thì tấm lòng của Bác luôn có nét đặc biệt hơn, âu đó cũng là điều dễ hiểu, bởi : *“Người là Cha, là Bác, là Anh / Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”* (thơ Tố Hữu).

“TÔI NÓI THẬT, CÓ MẤT LÒNG KHÔNG”

Sau hơn 50 năm xa cách quê hương xứ Nghệ, kể từ lúc ra đi tìm đường cứu nước, ngày 14-6-1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về thăm quê thăm lại ngôi nhà của mình tại Làng Sen, tiếp xúc với bà con lối xóm, sau đó Người xuống Vinh, nói chuyện với hơn 3.000 đại biểu, nhân dân tỉnh Nghệ An. Sang ngày hôm sau, Bác nói chuyện với Hội nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tĩnh.

Phần đầu bài nói, Bác Hồ thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ gửi lời chào thân ái tới cán bộ, nhân dân Hà Tĩnh, đồng thời nói rõ những đóng góp của địa phương những năm kháng chiến chống Pháp và thời gian đầu hoà bình trên miền Bắc. Những đóng góp xuất sắc này đã làm cho *“nhân dân các nước bạn và nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới càng kính phục dân Việt Nam, trong đó nhân dân Hà Tĩnh cũng vẻ vang”*. Điều muốn nói, ở bài báo nhỏ này, là ý kiến của Bác về những khiếm

khuyết và hướng khắc phục mà Người ân cần và hết sức thẳng thắn chỉ ra.

Khi Bác hỏi: *"Các đại biểu có muốn nghe tôi nói những khuyết điểm không"*, thì cả hội trường đồng thanh đáp: *"Có ạ!"*. Bác hỏi tiếp: *"Sau 50 năm, lần đầu tiên tôi trở lại Hà Tĩnh. Tôi là khách, tôi nói thật, có méch lòng không?"*. Cả hội trường đồng thanh đáp: *"Không ạ!"*. Thế rồi, Bác đã chỉ ra trước hội nghị 4 khuyết điểm sau đây:

1. Đồng bào nông thôn, nhất là nông dân lao động, chưa đoàn kết chặt chẽ, đó là khuyết điểm quan trọng;

2. Ý thức bảo vệ của công còn kém;

3. Một số đồng bào chưa thật sốt sắng đóng thuế nông nghiệp đúng kỳ hạn;

4. Nhân dân nói chung, cũng như nhân dân Hà Tĩnh nói riêng, có một truyền thống tốt đẹp, nhưng hiện nay về thuần phong mỹ tục bị kém sút.

Muốn khắc phục sớm những khuyết điểm nêu trên, Bác Hồ chỉ ra 7 nhiệm vụ, trong đó nhiệm vụ "Đoàn kết" được đặt lên vị trí hàng đầu, khi đất nước ta bị chia cắt, miền Nam còn dưới chế độ Mỹ ngụy. Người nói: *"Đoàn kết*

chặt chẽ thành một khối thống nhất. Phải đoàn kết giữa lương và giáo, giữa quân và dân, giữa miền Bắc và miền Nam". Tiếp theo là việc chống lụt, chống hạn; tăng gia sản xuất; sẵn sàng đóng thuế, trả nợ và tích cực bán nông sản cho Chính phủ; bảo vệ tài sản Nhà nước; đề cao kỷ luật trong sản xuất và công tác; cuối cùng là cố gắng hơn nữa về bình dân học vụ.

Một điểm rất nhất quán trong phương pháp tư tưởng của Hồ Chí Minh là nhìn nhận sự việc, con người một cách toàn diện, cụ thể, và bao giờ cũng đề ra được phương hướng giải quyết thoả đáng những vướng mắc. Thấy mặt tốt đẹp, đóng góp nhưng quyết không che đậy mặt chưa tốt, tiêu cực. Chỉ ra mặt xấu, thì không phải để bi quan chán nản hoặc làm ngơ, mà phải tích cực khắc phục cùng tiến bộ... Bài nói của Bác với Hội nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tĩnh năm nào, còn gợi mở cho nhiều thế hệ cán bộ hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh bài học đắt giá về cái tâm đối với dân với nước, về sức mạnh đoàn kết và năng lực chỉ đạo sát sao, thẳng thắn, luôn yêu cầu cao của người lãnh đạo đối với các phong trào cách mạng trên quê hương...

BÁC HỒ NÓI CHUYỆN VỚI CÁN BỘ PHỤ TRÁCH THIẾU NHI

Tại Thủ đô Hà Nội, vào ngày 19-2-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự và có bài nói chuyện khá dài (752 chữ, nên nhớ, những khi thật cần thiết, Người mới nói hoặc viết dài như thế) với Hội nghị các cán bộ phụ trách thiếu nhi toàn miền Bắc.

Mở đầu bài nói, Bác khẳng định ngay vị trí, vai trò của công tác giáo dục thiếu nhi trong chế độ mới: *"Công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng rất quan trọng, đó là nhiệm vụ đào tạo thế hệ tương lai cho Tổ quốc"*. Nhiệm vụ "rất quan trọng" đó đặt lên vai nhiều người, nhiều cơ quan đoàn thể nhưng trực tiếp, có nhiều ảnh hưởng lại là các anh chị phụ trách thiếu nhi. Nghe báo cáo, Bác được biết các thiếu nhi miền Bắc có điểm tốt như biết đoàn kết, ham học tập, ham lao động,

trong sạch và thật thà. Đây, theo Bác không phải thành tích của riêng các cháu, mà đây còn là “thành tích của các cô chú, của gia đình và nhà trường”. Tuy thế, trong bối cảnh đất nước ta còn bị chia cắt, miền Bắc còn nghèo nàn, lạc hậu, nền giáo dục mới còn sơ khai nên tất cả còn phải cố gắng phấn đấu rất nhiều nữa! Bác thấy được “phân tích cực”, đồng thời còn thấy rõ “những khuyết điểm, nhược điểm” của phong trào thiếu nhi... Vậy nên, Người kịp thời đề xuất một số yêu cầu đối với cán bộ phụ trách thiếu nhi, về mục đích, đối tượng và phương pháp tiến hành trong quá trình tiếp cận để giáo dục các cháu nên người. Bác nói: *"Đối với trẻ em, phải giáo dục thế nào cho các cháu biết đoàn kết, ham học, ham làm, nhưng phải làm sao cho các cháu giữ được tính chất của trẻ con. Phải làm sao cho trẻ em có kỷ luật nhưng vẫn vui vẻ, hoạt bát chứ không phải khúm núm, đặt đâu ngồi đấy"*. Ở khía cạnh giáo dục thiếu nhi để vừa giữ được kỷ luật lại vừa hồn nhiên, vui vẻ thì hình như “có vấn đề”, Bác nói bổ sung: *"Khi giáo dục phải thiết thực, không làm cho các cháu thành những*

“con vẹt”, làm sao cho các cháu khi chơi là được học, mà trong khi học vui vẻ như được chơi”.

Mãi tới những năm gần đây, chúng ta mới nhận thức hết vai trò kết hợp - không thể vắng thiếu một thành tố nào - giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục tri thức cũng như nhân cách toàn diện cho các cháu. Thực ra, từ hơn nhiều năm về trước, Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nói chuyện với cán bộ phụ trách thiếu nhi, Người đã tha thiết đề cập tới: *“Giáo dục thiếu niên, nhi đồng là trách nhiệm của các cô, các chú, của gia đình, của nhà trường, của đoàn thể, của xã hội. Trẻ em trong như tấm gương, cái tốt dễ tiếp thu, cái xấu cũng dễ tiếp thu. Nếu nhà trường dạy tốt nhưng gia đình dạy ngược lại, sẽ có ảnh hưởng không tốt đến trẻ em và kết quả cũng không tốt. Cho nên, muốn giáo dục các cháu thành người tốt, nhà trường, đoàn thể, gia đình, xã hội đều phải kết hợp chặt chẽ với nhau”.*

Nói rộng ra là thế, nhưng đối tượng bài nói của Bác lúc bấy giờ là cán bộ phụ trách thiếu nhi,

thì cuối cùng Người cũng phải tập trung vào họ; động viên họ, đồng thời cũng giao trách nhiệm cho họ. Người nói: *"Các cô, các chú làm tròn được nhiệm vụ săn sóc, giáo dục các cháu, thành lớp người tốt của xã hội tương lai, là rất vẻ vang. Không phải cứ được đăng báo hay có huân chương mới là vẻ vang"*. Nói cần phải đi đôi với làm, tránh tình trạng khuyến bảo các cháu một đường, còn cán bộ phụ trách thì làm một nẻo, tuy tiện, không gương mẫu, dẫn tới hậu quả khôn lường cho cả phong trào! Sớm nhận ra điều này, cuối bài nói, Bác không quên nhắc nhở các cô các chú: *"Dạy các cháu thì nói với các cháu chỉ là một phần, cái chính là phải cho các cháu nhìn thấy, cho nên những tấm gương thực tế rất quan trọng. Muốn dạy cho trẻ em thành người tốt thì trước hết, các cô chú phải là người tốt!"*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhà cách mạng lớn, nhà văn hoá lớn; nhiều tên tuổi trên thế giới còn thừa nhận Bác Hồ là nhà giáo dục lớn, có tầm nhìn hết sức xa rộng. Cho đến cuối đời, trong *Di chúc* Người vẫn đau đáu chuyện "con trẻ", Bác viết: *"Bồi dưỡng thế hệ trẻ"*

cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết". Những lời dạy bảo của Bác đối với các cán bộ phụ trách thiếu nhi thuở nào thật giản dị, thật khúc chiết, thấm sâu chân lý giáo dục truyền thống và hiện đại, dễ hiểu dễ làm theo... Tôi nghĩ, Bác đâu chỉ nói cho cán bộ phụ trách thiếu nhi nghe?! Các nhà lãnh đạo, nhà quản lý giáo dục, nhà giáo, nhà biên soạn sách giáo khoa, tất cả những bậc làm cha, làm mẹ... cũng đều có thể “đọc” được ở đây không ít “bài học” đích đáng cho bản thân!

“ĐẢNG TA LÀ ĐẠO ĐỨC, LÀ VĂN MINH”

Xem trong sử nước nhà, ai cũng đều được rõ: Từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 2 năm 1930, tại Cửu Long (Hương Cảng - Trung Quốc) diễn ra sự kiện Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam, trên cơ sở đó thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị này có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng. Cuối Hội nghị, toàn thể đại biểu thông qua lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và toàn thể quần chúng bị áp bức bóc lột trong cả nước.

Như vậy, ngay từ những giờ phút đầu tiên chào đời, Đảng ta đã gắn bó số phận, vận mệnh của mình với số phận, vận mệnh của quần chúng lao khổ, mà người đại biểu phát ngôn ra điều thiêng liêng này không ai khác là Bác Hồ. Về

mối quan hệ giữa Đảng với Dân, Dân với Đảng. Bác vẫn còn sử dụng hình ảnh “nghìn lực sĩ” và “các nhi đồng” trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam (ngày 3-3-1951). Nhà văn Lỗ Tấn (Trung Quốc) có 2 câu thơ nổi tiếng, tạm dịch: *“Trợn mắt xem khinh nghìn lực sĩ / Cúi đầu làm ngựa cho thiếu nhi”*. Bác giải thích: *“Nghìn lực sĩ có nghĩa là những kẻ địch mạnh, thí dụ: lũ thực dân Pháp, bọn can thiệp Mỹ. Cũng có nghĩa là những khó khăn, gian khổ. Các nhi đồng nghĩa là quân chúng nhân dân hiền lành, đông đảo. Cũng có nghĩa là những công việc ích quốc, lợi nhà. Đảng Lao động Việt Nam không sợ kẻ địch nào dù cho chúng hung tợn đến mấy, không sợ nhiệm vụ dù nặng nề, nguy hiểm đến mấy; nhưng Đảng Lao động Việt Nam sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân”*.

Kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng Lao động Việt Nam, năm 1960, đánh giá về sự kiện lịch sử trọng đại này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: *“Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt*

Nam. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng".
Trong lời khai mạc lễ kỷ niệm này, Bác có mấy câu thơ:

*Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao
Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết
bao nhiêu tình*

*Đảng ta là Đạo đức, là Văn minh
Là thống nhất độc lập, là hoà bình ấm no
Công ơn Đảng thật là to
Ba mươi năm lịch sử Đảng là cả một pho
lịch sử bằng vàng!*

Bài thơ, theo tôi, nêu 2 ý chính: đánh giá công lao của Đảng và chỉ rõ bản chất tốt đẹp của Đảng, đồng thời đó cũng là phương châm, mục đích phấn đấu lâu dài của Đảng ta. Khi đánh giá những “phấn đấu” và “thắng lợi” của Đảng, Bác so sánh với biển rộng, núi cao, với “một pho lịch sử bằng vàng”. Tuy vậy, người nghe người đọc rất tâm đắc cụm từ Bác dùng: “biết bao nhiêu tình”. Cuối cùng, vẫn là cái tình - tình Đảng với

dân, tình đồng chí trong cùng Đảng với nhau, còn là cái tình giữa các Đảng anh em, bầu bạn trong một phe, cùng một thời đại không mấy yên bình. Hai câu: *“Đảng ta là Đạo đức, là Văn minh / Là thống nhất độc lập, là hoà bình ấm no”* đã khái quát cả bản chất, lẫn mục tiêu phấn đấu lâu dài của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hai vế ĐẠO ĐỨC và VĂN MINH phải luôn đi liền kề với nhau, góp phần tôn tạo cho nhau để một đảng được trường tồn. Một đảng có Đạo đức mà cổ hủ, lạc hậu, dân tình đói kém thì rõ ràng không được rồi. Ngược lại, một đảng chỉ chú trọng Văn minh, chú trọng những tiến bộ vật chất để hưởng thụ, xa hoa trong khi kém cỏi về đạo đức, xa rời những tiêu chuẩn đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc, thì sớm muộn đảng đó cũng sẽ bị nhân dân và lịch sử đào thải. Bác khẳng định: *“Đảng ta là Đạo đức, là Văn minh”*. Bản chất của Đảng ta là vậy, 30 năm qua đã vậy, và phải làm sao để mãi về sau, Đảng ta vẫn giữ được Đạo đức Văn minh như vậy! Câu tiếp theo, Bác chỉ rõ hơn, Đảng ta còn là nhờ *“Thống nhất, độc lập, hoà bình, ấm no”*. Các

thành tố này không tách rời nhau, tạo điều kiện cho nhau, tuy thế có khi đất nước thống nhất, độc lập, hoà bình rồi mà nhân dân vẫn chưa được ấm no? Nhận thức sâu sắc vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ năm 1946, trong bài phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Uỷ ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc, đã nhấn mạnh: *“Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”*. Đánh đổ giặc ngoại xâm đã khó, làm cho dân “no ấm” thì theo Bác Hồ, còn khó hơn. Biết thế, để Đảng lường hết sức mình, cố gắng hơn nữa, và không bao giờ được chủ quan. Nói chuyện với cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm (ngày 9-12-1961), Bác nhắc nhở: *“Trước đây, Đảng ta tổ chức đánh Tây, đánh Nhật rất gian nan cực khổ. Nhưng so với trước, công việc bây giờ khó khăn hơn, phức tạp hơn. Bây giờ, Đảng ta phải làm nhiều chuyện: xây dựng nhà máy, xây dựng hợp tác xã, làm sao cho người nông dân, người công nhân*

ăn no, mặc ấm, làm sao cho nước càng mạnh, dân càng ngày càng giàu... ”.

Nhờ có Đạo đức - Văn minh, Đảng ta mới từng bước vững chắc dẫn dắt nhân dân ta đi tới bến bờ của thống nhất, độc lập, hoà bình, no ấm và Đảng ta mới ngày càng thật sự là Đảng của Đạo đức - Văn minh. Tôi cho rằng, cái hay cái sâu thẳm trong 2 câu thơ của Bác chính là ở chỗ này. Bởi thế, chỉ cần một lối diễn đạt nôm na, gần như nói, mà hàng triệu người dân và cán bộ đã nhập tâm, thành câu nói đầu cửa miệng của họ...

Còn nhớ ngày 19-5-1999, tại Hội trường Ba Đình - Hà Nội, Đảng và Nhà nước ta tổ chức mít tinh kỷ niệm 109 năm sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và 30 năm thực hiện Di huấn của Người. Tại đây, đã có bài diễn văn được xem là một cái mốc quan trọng, phát động cuộc vận động lớn về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, để Đảng ta nói chung, mỗi đảng viên nói riêng mãi mãi giữ được vẹn toàn phẩm chất Đạo đức và Văn minh đã từng đánh đổi bằng mồ hôi và máu của mình!.

LÀM CHỦ TỊCH NƯỚC KHÔNG PHẢI LÀM VUA

Nhiều cán bộ lão thành và nhân dân Nghệ An còn nhớ mãi mẩu chuyện cảm động sau đây. Ngày 8-12-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong chuyến thăm quê hương lần thứ 2, đã về thăm xã Vĩnh Thành (Yên Thành), một xã có phong trào trồng cây tốt. Tại một ngọn đồi thấp, Bác đứng nói chuyện với cán bộ và nhân dân. Trời gần trưa, tuy đã sang mùa đông mà nắng vùng Nghệ còn khá gay gắt. Nhìn Bác đứng giữa nắng, ai cũng băn khoăn mà thương Bác. Đồng chí chủ tịch huyện Yên Thành cử người tìm mượn được chiếc ô, định giương lên che nắng cho Bác. Bỗng, Bác quay lại hỏi:

- Thế, chú có đủ ô che cho tất cả đồng bào không? Thôi, cất đi! Bác có phải là vua đâu?

Người tự khẳng định mình không phải là

“vua”, làm Chủ tịch nước dứt khoát không phải làm vua một nước, làm một “ông quan liêu” bắt dân phải nghe lệnh của mình, phải hầu hạ mình! Trong tài liệu *“Cần tẩy sạch bệnh quan liêu mệnh lệnh”* viết ngày 2 tháng 9 năm 1951, Bác Hồ đã “kê đơn” cách chữa bệnh ấy. Theo Bác, thì có một nguyên tắc là *đi đúng đường lối nhân dân*, và 6 điều là: 1. Đặt lợi ích nhân dân lên trên hết; 2. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân; 3. Việc gì cũng bàn với nhân dân, giải thích cho nhân dân hiểu rõ; 4. Có khuyết điểm thì thật thà tự phê bình trước nhân dân, và hoan nghênh nhân dân phê bình mình; 5. Sẵn sàng học hỏi nhân dân; 6. Tự mình phải làm gương mẫu Cần - Kiệm - Liêm - Chính để nhân dân noi theo.

Câu chuyện Bác Hồ về thăm xã Vĩnh Thành năm ấy, đến nay những cử chỉ và lời nói của Người vẫn còn tươi mới, trường tồn như màu xanh cây trái quê ta!

AI GIÚP MÌNH MỘT CHÚT CŨNG KHÔNG ĐƯỢC QUÊN ƠN

Người Trung Hoa có câu châm ngôn: “*Đem việc làm dạy người thì người ta leo. Chỉ đem lời nói mà dạy người, thì người ta không phục*”. Nhiều quan khách nước ngoài, án bộ, chiến sĩ, đồng bào ta có dịp gặp Bác Hồ gần gũi và làm việc với Bác đều có chung nhận xét: Người nói ít, nhưng làm nhiều; có những án đề thuộc về đạo đức, Người chỉ lặng lẽ làm mà không nói đến bao giờ. Mẩu chuyện sau, là một trong vô vàn dẫn chứng “*làm mà không ỏi*” của Bác.

Gần Tết Nguyên Đán năm Ất Tị, 1965, Bác Hồ gọi một đồng chí chiến sĩ ảnh vệ lên gặp Người. Chỉ vào trong chậu nước có 2 con cá mè - mỗi con nặng chừng 2kg, do họ nuôi - Người ôn tồn dặn: “*Chú đem 2 con cá này đến tặng chú Trần Vĩnh Xương, Giám đốc Nhà máy Cơ khí*

Bộ Nội thương, giúp Bác”. Người cảnh vệ hiểu ra ngay, liền hỏi lại: “Thưa Bác, có phải cái ông Xương đã thiết kế chiếc giường của Bác?”. Bác gật đầu, rồi ra hiệu cho đồng chí cảnh vệ đi làm nhiệm vụ. Trần Vĩnh Xương là người thợ đã theo yêu cầu của Bác “sáng tác” ra một kiểu giường đơn giản, tiện lợi: Giường rộng 1,2m, không chạm trở gù, 4 chân hơi xoắn ra, trên lát một tấm gỗ mộc khi cần có thể trải chiếu nằm, rất mát. Bác Hồ thường nằm trên chiếc giường này để suy nghĩ, đọc sách báo, ngắm cây cỏ, đất trời... Ít lâu sau, nhân một buổi được gần Bác cùng tâm sự, người cảnh vệ nói: "Thưa Bác, ông giám đốc ấy làm chiếc giường là làm theo chức trách phân công. Chứ có phải Bác nhờ riêng đâu, mà mình phải đem cá tặng người ta?" Bác ngẩng đầu lên, hơi ngạc nhiên. Đồng chí hiểu ra, vội thành thực thốt lên: “Cháu xin lỗi Bác!”

Thế đấy. Đối với người Công dân Hồ Chí Minh, cũng như với Chủ tịch Hồ Chí Minh, ai giúp đỡ mình, dù chỉ một chút xíu thôi, cũng không được phép quên ơn!

ĐÓN BÁC VÀ ĐƯỢC BÁC ĐÓN

Chuyện cũ còn kể lại rằng, năm 1953, tại chiến khu Việt Bắc, Trung ương Hội Phụ nữ có tổ chức mời Bác Hồ tới thăm và nói chuyện. Trước đó, vì quá vui mừng nên chị em hô hào đôn đốc nhau quét dọn trong nhà, ngoài ngõ sạch sẽ tinh tươm, cổng chào thì kết lá, cài hoa, còn treo cả dòng khẩu hiệu “Hồ Chí Minh muôn năm”. Chị em, ai cũng chọn mặc bộ quần áo đẹp nhất. Đúng buổi Bác đến thì xếp thành hai hàng từ cổng vào nhà theo kiểu “hàng rào danh dự”. Xong xuôi, tất cả đều hồi hộp chờ Bác. Chờ mãi, vẫn chưa thấy bóng Bác đâu?

Bỗng, có tiếng gọi to: “Bác ở trong này rồi!”. Thế là cả hai “hàng rào danh dự” chạy vào, đã thấy Bác đang thăm vườn rau, xem giếng nước...

Bước ra phía cổng, Bác ân cần: “Chào các cô

các cháu. Vào nhà thấy vắng, Bác đoán ngay là tất cả đang ở ngoài này”. Khi vào trong hội trường, Bác hỏi ngay: “Các cô các cháu đón ai thế?”. Mọi người có mặt ngớ ra, chưa rõ ý phía sau câu Bác hỏi, nên thành thật trả lời: “Thưa Bác, chúng cháu đón Bác đấy ạ?”. Nghe xong, Bác cười: “À, ra thế. Bác, chứ có phải là vua, quan đâu mà phải sửa soạn, đưa đón cầu kỳ thế kia?”. Nhưng rồi nghĩ thương các cháu mình, sợ các cháu mất vui, Bác nhanh ý “rẽ” sang hướng khác: “Sạch sẽ, gọn gàng thường xuyên, hay chỉ được mỗi một ngày hôm nay thôi đấy?”. Bấy giờ, chị em trong Hội Phụ nữ mới “hoàn hồn” để tiếp tục câu chuyện với vị Chủ tịch nước mà từ lâu họ hằng yêu kính: “Dạ, thưa Bác thường xuyên ạ?”. Bác cháu cùng cười vui vẻ...

Thắng Pháp, miền Bắc hưởng hoà bình chưa được bao lâu thì cả nước ta phải đương đầu với cuộc chiến tranh huỷ diệt của đế quốc Mỹ. Phụ nữ càng đóng vai trò quan trọng đảm đương việc nước việc nhà. Và họ, dù lập được chiến công ở đâu, lúc nào, to hay nhỏ... thì Bác Hồ đều biết, Bác đều gửi thư khen, tặng quà, tặng huy hiệu

động viên. Xin nêu một vài ví dụ. Tháng 3 năm 1968, phấn khởi trước những tin thắng lợi to lớn, dồn dập của quân và dân miền Nam gửi ra, có lần Người ngỏ ý muốn được đi thăm miền Nam trước ngày thắng lợi hoàn toàn. Ý nguyện đó chưa thành, bởi thế Bác càng chăm chú theo dõi. Trong tháng 3 năm đó, Bác làm bài thơ “*Khen 11 cháu dân quân gái Thành Huế*” chỉ với súng trường mà đánh thắng giặc:

*Dũng dạc tay cầm khẩu súng trường,
Khôn ngoan dàn trận khắp trong phường.
Bác khen các cháu dân quân gái,
Đánh giặc Hoa Kỳ phải nát xương!*

Trước đó một thời gian, ngày 13-11-1967, Bác Hồ có thư gửi dân quân xã H. của tỉnh Thanh Hoá, đã có thành tích chiến đấu dũng cảm bắn rơi một máy bay phản lực Mỹ. Trong thư, có đoạn Bác tự hào: “*Cùng với thành tích to lớn chống Mỹ, cứu nước của phụ nữ nước ta, chiến công của các cháu càng làm rạng rỡ thêm truyền thống của phụ nữ Việt Nam dũng cảm, đảm đang*”.

Nho giáo ở Việt Nam trước Cách mạng nhìn chung còn rất xem thường vị trí, năng lực người phụ nữ ngoài xã hội và cả trong gia đình. “Nữ nhi yếu kém việc này việc nọ là chuyện thường tình”; “nữ nhi” thậm chí còn “nan hoá” nữa (phụ nữ khó bề giáo dục, cải hoá)... Bác Hồ tiếp thu không ít tinh hoa truyền thống văn hóa ứng xử của Nho giáo, nhưng đối với phụ nữ, Người có quan niệm hoàn toàn khác. Với các cháu gái nói riêng, với phụ nữ trong nước và thế giới nói chung, Người thương yêu, đề cao, trân trọng. Họ làm được điều gì tốt đẹp, ích nước lợi nhà dù nhỏ mấy thì Bác đều biết đến, nhiều trường hợp Bác có lời động viên sát hợp, kịp thời. Ngược lại, ai làm điều gì xấu, gây phiền hà người khác, bôi danh phẩm giá phụ nữ, ảnh hưởng tới quốc gia đồng bào, tới cách mạng, thì Bác không chút ngần ngại góp ý, nhắc nhở thẳng thắn, “làm cho cái phần thiện trong con người nẩy nở để đẩy lùi phần ác”. Tại Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ II, tháng 3 năm 1961, phát biểu trước đông đảo nữ giới, Bác yêu cầu: *“Phụ nữ ta phải xoá bỏ cái tâm lý tự ti và ỷ lại; phải có ý chí tự cường, tự*

lập; phải nâng cao lên mãi trình độ chính trị, văn hoá, mỹ thuật”.

Thường thì Bác dùng những lời lẽ mềm mỏng, ý vị, hóm hỉnh mà nhân hậu để giúp chị em cùng nhận thức ra vấn đề, cùng sửa chữa và tiến bộ, như câu chuyện mở đầu bài viết này. Tâm vóc trí tuệ, nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh cao lớn, lồng lộng mà ai ai cũng vẫn cảm thấy ấm áp, thân gần, tin tưởng là vậy!

BÁC VỚI NGHỆ THUẬT LẤY KIỀU

Để hiểu thêm Bác với nghệ thuật lấy Kiều, ta không thể không trở lại đôi chút với *Truyện Kiều* của thiên tài Nguyễn Du, trở lại hình thức sinh hoạt lấy Kiều như là một hiện tượng của ngôn ngữ, của văn hoá truyền thống.

Truyện Kiều, tác phẩm kết tinh từ trong nội dung, tư tưởng, cấu trúc, thể thơ, ngôn ngữ, nhân vật cả hai dòng văn học tiêu biểu của một dân tộc: Dòng văn học dân gian và dòng văn học bác học. Nhiều câu thơ triết lý, những cách diễn đạt tinh tế là rút ra từ *Truyện Kiều*, một khi được sử dụng thường không phải giải thích gì thêm, công chúng vẫn hiểu, thích thú, nhớ mãi những ý tưởng gửi gắm trong đó. Với hầu hết tác phẩm văn học lớn trên thế giới, tình hình cũng tương tự. Nghệ - Tĩnh, quê hương Nguyễn Du, nơi nhà thơ từng có những khoảng thời gian đi về thăm

viếng, lánh nạn, gấn bó bao kỷ niệm buồn vui thấm thía với đất nước, con người, tiếng nói, phong tục nơi đây. Nghệ - Tĩnh cũng là nơi - theo một số nhà nghiên cứu ước đoán - một phần *Truyện Kiều* được Nguyễn Du ấp ủ và viết ra. Vì thế, không phải ngẫu nhiên, có nhà thơ còn tìm thấy “*Ngôn ngữ Nghệ - Tĩnh trong Truyện Kiều*” (Vương Trọng, Báo Văn Nghệ, số 18.1987). Có thể nói, ở *Truyện Kiều*, tính nhân dân, tính dân tộc đã được nâng lên thành những phẩm chất hiếm có xét trong phạm trù văn học Việt Nam thời kỳ phong kiến. Chính vì lẽ này, xưa nay giới trí thức yêu, hiểu *Truyện Kiều*, tranh luận về Kiều... đã đành, mà nhân dân lao động nói chung, đặc biệt nhân dân Nghệ - Tĩnh cũng rất ham Kiều. Người Nghệ - Tĩnh thích ru Kiều, nói Kiều, nhại Kiều. Chính họ sáng tạo ra Trò Kiều, và sáng tác bài hát dặm “*Truyện Thuý Kiều*” dài 1.162 câu diễn lại *Truyện Kiều*. Họ “vận” Kiều vào đời sống, vào sản xuất một cách phổ biến, rất có duyên, hóm, rất xứ Nghệ. Khá nhiều chuyện “trạng... Kiều” còn lưu lại tới nay làm bằng chứng. Cùng với những hình thức sinh hoạt văn

hoá phong phú khác xung quanh *Truyện Kiều*, lấy Kiều cũng đã hình thành và phát triển.

Nếu nhìn nhận lấy Kiều vừa là hiện tượng của ngôn ngữ, vừa là một hình thức sinh hoạt văn hoá tinh thần dân tộc, ta sẽ thấy được điều thú vị. Ai là người đầu tiên lấy Kiều? Thật khó biết chính xác, nhưng có phần chắc lấy Kiều ra đời và phổ biến không lâu sau khi lưu hành *Truyện Kiều*. Là một phương thức tu từ, khi lấy Kiều, người lấy sử dụng những thi liệu, những cấu trúc trong câu thơ *Truyện Kiều* để tạo nên một màu sắc Kiều, từ đó là màu sắc dân tộc Việt Nam trong biểu đạt. Điều này buộc người lấy Kiều, ngoài vốn sống, năng lực nhạy cảm còn phải am hiểu, phải thuộc lòng *Truyện Kiều* tới mức cần thiết. Ở Bác Hồ, những đòi hỏi này có thể nói luôn dồi dào. Bác là một thi nhân, là người đi nhiều, sống nhiều, từng trải. Bác cũng là người thuộc Kiều, hiểu Kiều tới độ tinh tế (chẳng khác nào Bác từng thuộc và hiểu vốn văn hoá dân gian Việt Nam, trong đó có những “đặc sản” văn hóa dân gian Nghệ - Tĩnh). Thời gian Bác hoạt động ở nước ngoài cũng như khi đã về nước, trên

những nẻo đường kháng chiến, Người từng nhen nhóm niềm say mê *Truyện Kiều* với nhiều đồng chí, chiến sĩ đó sao (xem T.Lan. *Vừa đi đường vừa kể chuyện*. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1976, tr 12). Không riêng Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà hoạt động chính trị - xã hội trước hoặc đồng thời với Bác (như Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Phan Văn Trị, Phan Bội Châu, Nguyễn Đức Cảnh...) đều sử dụng, khai thác nghệ thuật lấy Kiều. Trong đời sống, người ta làm việc đó ở những trường hợp không có tính chất trang nghiêm, chủ yếu để thoả mãn thích thú cá nhân, thú vui ngâm vịnh. Với Bác thì có khác. Vui miệng lấy một đôi câu Kiều cũng có, nhưng hơn ai hết, lấy Kiều trong nói và viết của Bác là một thao tác ngôn ngữ có ý thức rõ rệt.

Một người may mắn được nhiều năm tháng sống và làm việc gần gũi với Bác là luật sư - Bộ trưởng Phan Anh (quê Hà Tĩnh). Luật sư kể lại rằng: Bác rất thích lấy Kiều, cũng như thói quen của nhiều người dân quê xứ Nghệ. Không ít lần, ông được Bác khuyến khích sử dụng thơ Kiều

trong các bài viết, bài nói, các cuộc vui thời kháng chiến. Ví dụ, ngày 19-5-1946, ngày sinh nhật Bác Hồ đầu tiên tại Thủ đô Hà Nội, luật sư lấy Kiều tặng Bác như sau:

*Từ khi đá biết tuổi vàng,
Mỗi dây mỗi buộc, ai giằng cho ra.
Sao cho muôn dặm một nhà,
Tương tư nhường ấy mới là tương tư.*

Mấy câu thơ lục bát lấy Kiều vừa nêu đâu chỉ nói chuyện riêng tư, mà chủ yếu phản ánh cái lo lắng lúc đó của Bác và của nhiều người về vấn đề thống nhất Bắc - Nam đang bị thực dân Pháp, cùng đồng bọn tráo trở đe dọa.

Một dịp khác, năm 1953, tại Hội nghị kháng chiến hành chính bàn về thuế nông nghiệp, đến phần kết thúc, Bác yêu cầu các đại biểu ngâm thơ. Luật sư Phan Anh đã xin lấy mấy câu Kiều:

*Diệt thù giải phóng quê ta,
Ấy là nghĩa nặng, ấy là tình sâu.*

Bác nghe xong, đọc tiếp luôn:

*Đành lòng chờ đó ít lâu,
Có chầy, cũng một năm sau, vội gì?*

Dứt lời, Bác lấy cái áo vắt ở lưng ghế, ra về và còn đọc tiếp: *"Nói rồi, xách áo ra đi..."*. Mọi người vỗ tay reo cười trong không khí phấn khởi tiễn Bác. Mấy câu thơ lấy Kiều của Bác hôm đó, chẳng khác nào một "câu sấm". Đúng một năm sau, năm 1954, quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ, giải phóng một nửa đất nước, làm tiền đề cho sự nghiệp thống nhất đất nước sau này, vào mùa xuân năm 1975.

Tháng 6-1957, sau 50 năm xa quê tìm đường cứu nước và giải phóng non sông, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm quê hương Nghệ An lần đầu. Nói chuyện với Hội nghị đại biểu nhân dân tỉnh nhà, tổ chức ngày 14 tháng 6 năm đó, Bác Hồ có 2 lần lấy Kiều trong bài nói, đem lại hiệu quả bất ngờ:

- *"Hôm nay, ở đây có đại biểu các cụ phụ lão, công nhân, nông dân, bộ đội, trí thức; có đại biểu phụ nữ, thanh niên, anh em bộ đội phục viên, đồng bào miền Nam tập kết, thương binh bệnh binh, đồng bào dân tộc thiểu số, đại biểu tôn giáo, gia đình liệt sĩ và chiến sĩ, anh hùng và chiến sĩ thi đua, đại biểu các nhà công thương,*

các cháu học sinh, nhi đồng. Chúng ta có thể nói rằng:

*Chúng ta đoàn kết một nhà,
Ấy là nghĩa trọng, ấy là tình sâu.”*

- “Tôi là một người con tỉnh nhà đã hơn 50 năm xa cách quê hương (Bác rời quê, theo cha vào Huế lần thứ 2 vào khoảng năm 1905-1906). Hôm nay, là lần đầu tiên trở lại về thăm tỉnh nhà. Có thể nói là:

*Quê hương nghĩa trọng tình cao,
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình!”*

Cả trong Di chúc của Người, được công bố năm 1969, đoạn nói về cuộc kháng chiến chống Mỹ, Bác dự báo và nêu quyết tâm cho cả dân tộc: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn:

*Còn non còn nước còn người
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn
mười ngày nay.”*

Khảo sát một số trường hợp cụ thể, a thấy: Bác lấy Kiều khi trò chuyện, đối thoại với quần chúng; Bác lấy Kiều trong thơ ca, ký sự hồi ký; Bác lấy Kiều cả trong văn hành chính, văn nghị luận; Bác lấy Kiều trong thư riêng, Bác lấy Kiều cả khi đón, đưa một vị nguyên thủ quốc gia...

Riêng trong thơ ca, Bác lấy Kiều nhiều nhất ở thể loại thơ tuyên truyền, cổ động, liên ca chính sách. Có nhà nghiên cứu cho biết: Trung bình cứ 4 bài, có một bài lấy Kiều. Có bài Bác lấy tới 3 lần (xem Lê Kinh Khiên - *"Bước đầu tìm hiểu cách sử dụng phương thức tạp Kiều trong một số tác phẩm của Hồ Chủ tịch"*. Tiểu luận in trong cuốn *Học tập phong cách ngôn ngữ Chủ tịch Hồ Chí Minh*. Nhà xuất bản Sự Thật. Hà Nội, 1980, tr.187). Nghệ thuật lấy Kiều của Bác cũng rất linh hoạt, lắt léo. Trong thơ, Bác ít sử dụng nguyên vẹn câu thơ *Truyện Kiều* Có lúc thay đổi chỉ một từ, lúc khác Bác giữ lại một nhóm từ để tạo ra câu thơ mới. Cũng có lúc Bác viết một câu xét về hình thức và nội dung cơ bản giống câu thơ Kiều, nhưng ngẫm kỹ ta vẫn thấy có sự chuyển đổi, sáng tạo. Trong văn xuôi, câu

thơ lấy Kiều của Bác có khi được đặt ở đầu bài (tóm tắt nội dung, tinh thần câu chuyện sắp kể, thu hút đối tượng), có khi điểm xuyết vào giữa bài (Nói các ý, đoạn biểu lộ đánh giá, xúc cảm), cũng có khi dùng để kết thúc (nhấn mạnh ý chính vừa trình bày, nhấn gửi một điều gì).

Đáng lưu ý là nhiều câu thơ trong *Truyện Kiều* vốn là những câu thơ buồn, mang triết lý định mệnh tiêu cực của tư tưởng Nguyễn Du, Bác Hồ dùng lại, khi thì để nguyên, khi cải biến chút ít và đặt vào những văn cảnh khác nhau đã làm cho ý nghĩa của chúng khác hẳn. Câu thơ không buồn, không tiêu cực tí nào, trái lại hết sức lạc quan, khẳng định và đôi khi còn thấp thoáng một chút dí dỏm quen thuộc của Bác nữa.

Theo thống kê bước đầu của một số nhà nghiên cứu, có hơn 100 trường hợp Bác Hồ lấy Kiều trong các bài nói và viết của mình. Với những nét đặc trưng sáng tạo riêng, nghệ thuật lấy Kiều của Bác đã tạo cho không ít câu thơ *Truyện Kiều* phát huy được hiệu quả chuyển tải những ý tưởng lớn lao, tuy hết sức thời sự, cần kíp nhưng dễ có khả năng khô, khó vào quần

chúng, nhất là đối với quần chúng ít có điều kiện học hành. Nên nhớ, việc Bác hay lấy Kiều hoàn toàn không phải Bác “sính Kiều”, lấy ác phẩm của thiên tài này nọ để “trộ” người khác, buộc người khác phải nghe theo. Chính Bác, khi răn cán bộ bệnh nói dài dòng, rắc rối cũng bảo “chớ nói như cách giảng sách”. Lấy Kiều ở Bác thoát nhìn tướng thiên về hình thức, một phép chơi chữ bình thường, ai cũng có thể làm được; nhưng xét kỹ, nó luôn có nhiệm vụ chở đến đối tượng một tư tưởng, một ý nghĩ, một tình cảm nào đó, cụ thể và thiết thực. Những biểu hiện đa dạng trong nghệ thuật lấy Kiều của Bác, trực tiếp hay gián tiếp, đều bị chi phối bởi quan điểm quần chúng trong viết và nói của Người. Ngay từ tháng 10 năm 1947, soạn cuốn *Sửa đổi lối làm việc*, khi đưa ra liều thuốc chống thói ba hoa, có đoạn Bác đã yêu cầu: *“Khi viết khi nói phải luôn luôn làm thế nào cho ai cũng hiểu được. Làm sao cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm theo lời kêu gọi của mình. Bao giờ cũng phải tự hỏi: Ta viết cho ai xem? Nói cho ai nghe?”*. Những luận điểm hàm súc này biểu hiện rõ tính

cách mạng, tính khoa học - hiện đại và đặc biệt, nó được quán triệt trong toàn bộ di sản tinh thần Người để lại. Sẽ là một thiếu sót khi đi vào lý giải vấn đề đang tìm hiểu nếu chúng ta không đề cập tới ý thức và tài nghệ sử dụng các phương tiện ngôn ngữ dân tộc mà Bác Hồ đã dày công học hỏi, rèn luyện.

Mỗi con người, ai cũng gắn bó với ngôn ngữ dân tộc mình từ trong máu thịt. Tính dân tộc ở lời nói, câu văn càng cao, càng sâu thì hiệu quả thực tế đối với người nghe, người đọc càng mạnh mẽ, thấm thía. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tính dân tộc là điều kiện tiên quyết để cho tiếng nói, tư tưởng của mình đến thẳng lòng đối tượng. Chính vì thế, không riêng gì tiếng Việt, trong phạm vi có thể, ở thứ tiếng nào Bác cũng nắm được bản sắc, tinh hoa của nó. Khi sử dụng tiếng mẹ đẻ, Bác đã tìm thấy trong văn Kiều cách nói, lối diễn đạt phù hợp với Bác, phù hợp với từng bối cảnh lịch sử, tâm lý cụ thể con người Việt Nam.

Tìm hiểu Bác Hồ với nghệ thuật lấy Kiều, có một điểm nữa đáng lưu ý: không chỉ mình Bác

lấy Kiều. Để tiếp cận quần chúng, mà một trong những biện pháp là học cách lấy Kiều, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn khích lệ, “tiếp sức” cho đồng chí của mình sử dụng lấy Kiều khi cần thiết. Bởi vì từ thực tiễn cách mạng, Bác thừa biết không ít đồng chí làm công tác tuyên truyền, có cả cán bộ cấp cao, khi nói viết thì “*khô khan, cứng nhắc, không hoạt bát, không thiết thực*” mà lại cứ tưởng mình viết gì, nói gì người khác đều hiểu cả!

Có thể có người nghĩ, Cụ Hồ lấy Kiều cốt để làm tuyên truyền, làm chính trị? Đúng thế, nhưng ở Bác, con người đi tìm Chân Lý, cũng là con người đi tìm Cái Đẹp. Tôi nghĩ, lấy Kiều với Bác còn là một nhu cầu thẩm mỹ nội tại, là cái thú văn chương tao nhã nữa. Cũng như bao lần Bác sử dụng thanh công ca dao, tục ngữ dân tộc, đến với sinh hoạt lấy Kiều - một biểu hiện văn hoá vừa có tính bác học, vừa đậm màu sắc dân gian là một cách Bác tiếp cận với những đỉnh cao của văn hoá truyền thống Việt Nam. Người tiếp thêm sức sống cho nó, đồng thời, những dấu ấn của nền văn hoá này đã góp phần tạo nên văn

phong của Người nét độc đáo, có ý nghĩa lâu bền. Tìm hiểu Bác với nghệ thuật lấy Kiều một cách công phu, toàn diện, từ nhiều góc độ khác nhau (văn học, văn hoá dân gian, ngôn ngữ học, nghệ thuật tuyên truyền, cổ động...) chắc chắn sẽ mang lại cho hôm nay không ít bài học bổ ích. Có thể, đó là tình cảm gắn bó, thuỷ chung của Bác với quê hương, với dân tộc và văn hoá dân tộc. Có thể, đó là tính mục đích, quan điểm quần chúng, khả năng sáng tạo và tiết kiệm trong ngôn ngữ của Người... Và sau hết, cũng là trên hết, để ta hiểu thêm, yêu quý thêm một Con Người - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Hồ Chí Minh - sản phẩm kết tinh của nhiều khu vực văn hoá lớn trên trái đất, trong đó truyền thống văn hoá nhân bản của Việt Nam nói chung, của xứ sở Hồng - Lam nói riêng, đóng vai trò chủ đạo, quyết định.

“RA ĐI, BÁC DẶN CÒN NON NƯỚC”

Mỗi năm, cứ đến ngày sinh của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường không muốn nói người đến chúc thọ. Thời gian còn khoẻ, Bác hay từ chối, hoặc tìm đến một nơi nào đó. Chẳng hạn, ngày 15 tháng 5 năm 1949, Bác đã từ chối việc tổ chức trọng thể lễ sinh nhật của Người. Điều thú vị, là Bác đã từ chối bằng... thơ:

KHÔNG ĐỀ

*Vì nước chưa nên nghĩ đến nhà,
Năm mươi chín tuổi vẫn chưa già
Chờ cho kháng chiến thành công lã,
Bạn sẽ ăn mừng sinh nhật ta.*

Đến năm sau (1950), tuổi Bác tròn 60. Cuộc gặp gỡ được tiến hành trong rừng chiến khu Việt Bắc, thật tao nhã và ấm cúng. Hai soạn giả cuốn

Thơ ca chiến khu của Chủ tịch Hồ Chí Minh (in lần 3, năm 2001) dẫn lại lời nhà thơ Xuân Diệu kể về kỷ niệm sâu sắc này: “Đường mòn mờ dần như lênh bênh nổi lên, tôi qua những lùm cây dâu da tối mít và trái từng chùm. Qua bãi rậm, đã tối hẳn, rồi chợt nghe tiếng gì văng vẳng như máy nổ, tôi đi giữa và đứng trước một vầng ánh đèn điện... Tôi nhớ mãi buổi mừng thọ Bác Hồ sáu mươi tuổi trong gian phòng tre nứa. Các đồng chí Trung ương, Bộ trưởng, Thứ trưởng, các vị thường trực Quốc hội và nhiều đồng chí nữa. Ở giữa là Bác Hồ. Thật là một gia đình kháng chiến!”.

Cho đến năm 1969, thời điểm Bộ Chính trị ra Nghị quyết tổ chức 4 ngày lễ lớn của năm sau: 40 năm thành lập Đảng - 100 năm sinh Lê Nin - 80 năm sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh - 25 năm thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Bác Hồ bấy giờ đã yếu nhiều. Trước đó một thời gian, Bộ Chính trị đã thống nhất việc để giữ gìn sức khoẻ của Bác, mỗi khi bàn bạc và quyết định những việc thật quan trọng, thì mời Bác chủ trì, nếu không thì Bộ Chính trị cứ bàn bạc rồi báo

cáo, xin ý kiến Bác sau. Nghị quyết tổ chức 4 ngày lễ nói trên, Bác không dự nên khi biê Bác tỏ ra không tán thành toàn bộ. Người nói vì mà thật và thẳng:

- Tôi chỉ đồng ý 3/4 Nghị quyết thôi!

Rồi Bác phân tích cụ thể hơn, để mọi người có mặt lúc đó cùng thông cảm:

- Kỷ niệm ngày sinh Lê Nin, ngày lập Đảng và lập Nước là đúng, nên làm rồi. Còn không nên tổ chức kỷ niệm ngày sinh của tôi! Hiện nay, giấy in sách vở cho các cháu còn thiếu, vì thế không nên in sách của tôi nhiều!

Lịch sử nước ta, vào năm 1946, được củng cố kiến một sự kiện kỳ vĩ và cảm động: Ngày 6 tháng 1 năm 1946, Tổng tuyển cử lần đầu tiên tiến hành trên phạm vi cả nước. Mọi công dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, tầng cấp, tôn giáo đều có quyền đi bầu cử và ứng cử. Hơn 90% tổng số cử tri đã tới bỏ phiếu. Và ông dân Hồ Chí Minh đã trúng cử với số phiếu cao nhất, là 98%. Trả lời các nhà báo, Bác bộc bạch lòng mình, lão thực chẳng khác một hiền triết

Phương Đông truyền thống: *“Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh, phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào uỷ thác thì tôi phải gắng làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận.*

Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.

Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc, để câu cá trồng rau, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi”.

Sự “ham muốn tột bậc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bài trả lời các nhà báo năm 1946 ấy, được nhắc lại cô đọng hơn, với ý nghĩa rộng mở hơn trong phần cuối bản *Di chúc*, Bác viết xong lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 1965 và đến ngày 10 tháng 5 năm 1969 thì được xem lại, sửa chữa, bổ sung lần chót: *“Điều mong muốn cuối cùng*

của tôi là toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

Không ai muốn nghĩ rằng, chỉ một thời gian không lâu sau đó, Bác sẽ từ già cõi đời “*đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê Nin và các vị cách mạng đàn anh khác*”. Và ngày 19 tháng 5 năm 1970, cả đất nước ta, cả loài người tiến bộ kỷ niệm 80 năm sinh của Người trong niềm tiếc thương vô hạn; một nhà thơ lớn đã nói dùm ta phần nào ở hai câu thơ:

Ra đi, Bác dặn "Còn non nước..."

Nghĩa nặng lòng không dám khóc nhiều.

(Tố Hữu - Bài thơ “Bác ơi!”)

ĐI SƯU TẦM CA DAO VỀ BÁC

(Thay lời cuối sách)

Nếu hiểu “*Ca dao cũng là thơ - một loại thơ riêng biệt*” (Xuân Diệu) thì bên cạnh bộ phận không nhỏ thơ của các nhà thơ chuyên nghiệp, cùng nhiều cây bút không chuyên viết về Bác Hồ suốt nhiều năm nay, còn có vô vàn bài thơ của nhân dân về Bác, tạo nên một hiện tượng đáng lưu ý trong lịch sử thơ ca Việt Nam.

Bác Hồ của chúng ta bước vào thế giới ca dao, thế giới của văn hoá dân gian một cách tự nhiên, nhẹ nhõm. Nhưng điều đó không phải là ngẫu nhiên! “*Không phải bất cứ nhân vật lịch sử nào cũng có thể gia nhập được vào thế giới Folklore* - Giáo sư Vũ Ngọc Khánh viết - *Muốn vào thế giới này, nhân vật phải thoả mãn một số điều kiện. Phải là con người có gắn bó hoặc những khía cạnh gắn bó nào đó với quần chúng*

về những quyền lợi sinh tồn. Phải có “chuyện” cùng là phải đáp ứng được nhu cầu mỹ cảm của nhân dân”. (Tập chí Văn hoá dân gian, Số 4-1986). Con người và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh tất nhiên đã đáp ứng đầy đủ những điều kiện trên.

Ca dao về Bác Hồ chủ yếu được sáng tác sau Cách mạng (1945). Đó là ca dao mới, thuộc phạm trù văn hoá dân gian hiện đại. Từ tác giả đến phương thức sáng tác, lưu truyền; từ đề tài, chủ đề, nhân vật đến bối cảnh, không khí thời đại, ca dao mới đều có những điểm khác với ca dao truyền thống. Tuy nhiên, ca dao mới trong đó bao gồm cả ca dao về Bác, vẫn *không đứt đoạn* với ca dao truyền thống, cả phương diện nghệ thuật, thi liệu, đặc biệt là thái độ, tấm lòng - một tấm lòng thành kính của người dân lao động đối với các vĩ nhân xưa nay có công lớn cho dân cho nước, như Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Bội Châu... Hiện, chúng ta còn lưu giữ được khá nhiều tài liệu dân gian (truyền thuyết, truyện cổ tích, ca dao, về lịch sử...) về họ.

Ca dao về Bác Hồ là cái “kho” chứa bao lời hay ý đẹp ngợi ca công lao, đức độ, tài trí của Người. Ở đâu và bất cứ lúc nào, ta cũng có thể được đọc, được nghe hát. Hầu như ai cũng thuộc ít nhất một vài câu, bài và lạ thay, lắm khi ta cảm thấy như chính ta sáng tác ra vậy, cho dù đó là nỗi niềm của một em bé Xa-Côn (Thái Lan) viết nhân ngày sinh nhật Bác, tâm sự của một cô gái già gào nơi núi cao Việt Bắc, tiếng hát văng lên từ một dòng sông xứ Nghệ thời kháng Pháp, hay nỗi niềm đau đáu của người dân miền Nam chờ mong ngày đất nước thống nhất để đón Bác Hồ vào thăm. Một điều thú vị là hầu như vốn phương ngữ, những địa danh, sản vật nổi tiếng và nếp tư duy tiêu biểu cho mỗi miền, mỗi vùng đất đều in đậm dấu ấn vào ca dao về Bác. Vì lẽ đó, ca dao ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhất là những bài hay, bên cạnh những đặc điểm thi pháp chung của ca dao Việt Nam, còn có những màu sắc khác nhau, dễ nhận biết.

Ca dao về Bác hay và phong phú như vậy, tiếc thay đã bị bỏ rơi khá nhiều. Số người sáng tác ít dần, số chịu khó nhặt nhạnh, ghi chép - cả những

cái do mình sáng tác - lại không nhiều. Một số cuốn như *Ca dao lao động*; *Ca dao Chống Pháp*; *Ca dao chống Mỹ*; *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*; *Ca dao Nam bộ*... các soạn giả đều dành phần trang trọng giới thiệu ca dao về Bác. Thời gian kỷ niệm 90 năm sinh nhật Bác Hồ, nhà thơ Trần Hữu Thung cho ra mắt bạn đọc cuốn *Ca dao về Bác Hồ* (NXB Nghệ - Tĩnh, 1988). Cũng thời gian này, một đồng nghiệp của tôi vào giảng dạy tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhà giáo Bùi Mạnh Nhị, sau nhiều đợt thầy trò đi sưu tầm, đã cho ra cuốn *Ca dao Nam bộ về Hồ Chủ tịch*. Được tỉnh giúp đỡ, khoa Ngữ văn Trường ĐHS Vinh đã cử cán bộ và sinh viên tới một số điểm liên quan tới Bác trên địa bàn Nghệ - Tĩnh để góp nhặt sáng tác dân gian về Bác. Năm 1990, Bác Hồ tròn 100 tuổi. Cả thế giới làm lễ kỷ niệm Bác với tư cách một Danh nhân, một Nhà văn hoá lớn. Trong số nhiều đầu sách xuất bản năm này, tôi chú ý tới cuốn *Ca dao Bảo Định Giang* (NXB Thành phố Hồ Chí Minh). Cuốn sách có tính chất tuyển tập bốn mươi năm ca dao của nhà thơ. Trong số hơn 200 bài ca dao thì có tới 60 bài về Bác, được sáng tác từ 1946 lại nay. Bảo Định Giang chính là tác

giả hai câu ca dao được xem là hay nhất của ca dao Nam bộ về Bác Hồ:

*Tháp Mười đẹp nhất bông sen,
Nước Nam đẹp nhất có tên Cụ Hồ.*

(1946)

Những thành quả và cố gắng kể trên, đặt trong hoàn cảnh hiện nay, thật đáng khích lệ, đáng ghi nhận. Tôi muốn dừng lại tí chút với một cuốn sách của nhà thơ Trần Hữu Thung. Ông quan niệm ca dao về Bác là một hiện tượng đặc biệt của ca dao nói riêng, của văn học dân tộc ta nói chung, đã góp vào một bản sắc độc đáo cùng với các bộ môn văn nghệ khác ca ngợi và ghi tạc công ơn Bác. Những năm lăn lộn chống Pháp rồi chống Mỹ, nhiều bài ca dao về Bác có hoặc không có tên tác giả được ông ghi chép, lưu giữ cẩn trọng. Với Trần Hữu Thung, ca dao về Bác gắn bó máu thịt với từng kỷ niệm, hồi ức, với những năm tháng hào hùng, đẹp đẽ của cả nước cũng như của bản thân ông, từ phong trào chống nạn mù chữ hồi đầu Cách mạng mà ông là một giáo viên, phong trào tăng gia sản xuất, tiết kiệm đến phong trào tòng quân đưa tiễn người thân ra

mặt trận. Nhớ mãi một đêm trăng xuôi sông Lam đi công tác vào Bình - Trị - Thiên, Trần Hữu Thung được nghe tiếng hát cất lên từ chiếc thuyền vận tải:

Thuyền ai xuôi chợ Vực

Thuyền ai ngược Đô Lương

Thuyền anh chở khách chở phò

Thuyền em chỉ chở công lương cho Cụ Hồ.

Rồi sáng tác của cán bộ, chiến sĩ, công nhân, nông dân ứng khẩu dọc đường chiến dịch, viết vội trên các báo tường, báo liếp, bảng sùng, nơi nhà máy, cánh đồng, bãi tập... Cứ thế, ca dao về Bác rộ lên trong từng bối cảnh cụ thể, sống động, lắm khi rất bất ngờ, không sao chép xuê! Một chục năm sau, mỗi lần đem đọc lại hoặc nhớ lại, Trần Hữu Thung vẫn còn ngạc nhiên: “*Ca dao về Bác mà nay ta đọc được phần lớn là ứng khẩu và ghi nhanh. Ấy thế mà chân thật, hồn nhiên, bay bổng, thanh thoát và cũng rất đúng đắn*”. Ông cũng không khỏi nuối tiếc, tự trách mình khi ngồi viết những dòng có tính chất hồi ký này: “*Ngày ấy, được nghe tiếng hò (về Bác)*

giữa đoàn dân công trên đường ra mặt trận, tôi cũng có phần coi nhẹ. Mà nếu có gặp câu hay cũng làm sao mà ghi được trong đêm tối đường rừng. Ngày ấy, được đọc trên báo tường của các đơn vị Vệ quốc khi hành quân ghé nghỉ, tôi cũng chưa có ý thức chép nhặt lấy những câu hay. Giờ đây... tôi cảm thấy bâng khuâng". Số câu, bài còn chép lại được hoặc còn nhớ, Trần Hữu Thung tập hợp, biên soạn và cho ra cuốn *Ca dao về Bác Hồ*, với 224 đơn vị tác phẩm, cùng những trang ngẫm nghĩ của ông nhân đọc lại ca dao về Bác, viết rất xúc động, thấm thía!

Tôi cứ thâm nghĩ, cứ thâm ao ước: Giá như mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi vùng đất đều sớm có ý thức tìm kiếm, ghi chép, bảo lưu những sáng tác văn học dân gian nói chung, thể loại ca dao nói riêng về Bác Hồ, dù là lưu truyền bằng miệng hay trên các sách báo từ bấy đến nay, thì khắp cả nước ta; sẽ thu được một lượng tài liệu lớn biết chừng nào; các nhà nghiên cứu, giảng dạy, các nhà làm sách sẽ gặp thuận lợi biết chừng nào. Đây là cơ sở đáng tin cậy cho chúng ta có trong tay nay mai một Tuyển tập ca dao đầy đặn, về Người!

SÁCH THAM KHẢO

- Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tuyển tập* - 2 tập (NXB Sự Thật, 1980)
- Hồ Chí Minh : *Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận* (NXB Văn học, 1981)
- Hồ Chí Minh: *Thơ Hồ Chí Minh* (NXB Nghệ An, tái bản, 2003)
- Hồ Chí Minh: *Bác Hồ với thiếu nhi* (NXB Thanh Niên, 2002)
- Hồ Chí Minh: *Danh ngôn Hồ Chí Minh* (NXB Văn hoá - Thông tin, 2000)
- Nhiều tác giả: *Bác Hồ với quê hương Nghệ - Tĩnh* (NXB Nghệ - Tĩnh, 1990)
- Nhiều tác giả: *Tư tưởng Hồ Chí Minh* (NXB Chính trị Quốc gia, 2003)

- Nhiều tác giả: *Kể chuyện Bác Hồ* - 3 tập (NXB Giáo dục, tái bản, 2003)
- Nhiều tác giả: *Bác Hồ, con người và phong cách* (NXB Lao Động, in lần 4, 2001)
- Khu di tích Kim Liên: *Quê hương trong lòng Bác* (NXB Chính trị Quốc gia, 1995)
- Nhiều tác giả: *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại* (Viện Hồ Chí Minh và NXB Lao Động, 2001)
- Trần Đắc Thọ: *Thơ chữ Hán của Hồ Chủ tịch* (NXB Đại học Quốc gia, 2003)
- Đỗ Đức Hùng: *Biên niên sử Việt Nam* (NXB Thanh Niên, in lần 2, 2001).

HỌC TIẾNG NÓI CỦA LÊ NIN

MỤC LỤC

1	Người mở trang đầu cho nền Mỹ thuật Cách mạng nước ta	7
2	Học tiếng nói của Lê Nin	11
3	Thêm bản dịch một bài thơ chữ Hán của Bác	15
4	“Một nhành mai” hay “nột cây chi mai”?	18
5	Bài thơ cuối mở đầu Tự do	22
6	“Đã sáng lại trời Thu tháng Tám”	25
7	Tết Trung Thu đầu tiên của một nước Độc lập	30
8	“Tết này mới thật Tết dân ta!”	33
9	Chủ tịch Hồ Chí Minh với báo chí chống tiêu cực	37
10	“Các nhà văn hoá Việt Nam hãy chú ý đặc biệt đến Nhi đồng”	42
11	Thế nào là Đời sống mới trong một gia đình?	45
12	“Phụ nữ phải tham gia chính quyền nhiều hơn nữa và thiết thực hơn nữa	49

13	Bác Hồ nghe... thơ về Bác	52
14	Câu chuyện của tình người	57
15	Điện Biên Phủ trong tầm nhìn của Bác	61
16	Bài báo nêu gương một liệt sĩ của xứ Nghệ	66
17	Các cháu mồ côi trong tình thương Bác Hồ	69
18	“Tôi nói thật, có mất lòng không?”	76
19	Bác Hồ nói chuyện với cán bộ phụ trách thiếu nhi	79
20	“Đảng ta là Đạo đức, là Văn minh”	84
21	Làm Chủ tịch nước không phải làm vua	90
22	“Ai giúp mình một chút cũng không được quên ơn”	92
23	Đón Bác và được Bác đón	94
24	Bác với nghệ thuật lấy Kiều	99
25	"Ra đi, Bác dặn: Còn non nước"	112
26	Đi sưu tầm ca dao về Bác (Thay lời cuối sách)	117

BÁC HỒ
NHỮNG
CÂU CHUYỆN
CẢM ĐỘNG

Giá: 15.000đ